

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HS-ST
Ngày: 27-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Giúp;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Chính – Phó Phòng nội vụ huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

2/ Ông Nguyễn Phước Nhân – Bí thư Đoàn xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Nguyên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Kim – Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2018/HSST ngày 02/4/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Công T**, Tên gọi khác: Đ Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 09/12/1997.

Nơi cư trú: Khu 1A, thị trấn C, huyện C, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Không.

Trình độ văn hóa: 1/12.

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Tôn giáo: Không.

Họ tên Cha: Huỳnh Thanh H

Sinh năm: 1971.

Họ tên Mẹ: Nguyễn Thị D

Sinh năm: 1967.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Minh S**, Tên gọi khác: Đ Giới tính: Nam.

Sinh ngày: 20/11/2000.

Nơi cư trú: Khu 1A, thị trấn C, huyện Cần Đư, tỉnh Long An.

Nghề nghiệp: Không.

Trình độ văn hóa: Không biết chữ.

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Tôn giáo: Không.

Họ tên Cha: Huỳnh Thanh Hoàng

Sinh năm: 1971.

Họ tên Mẹ: Nguyễn Thị Diệu

Sinh năm: 1967.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Sang: Bà Nguyễn Thị Diệu là mẹ bị cáo Sang.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh Sang: Luật sư Võ Văn Út – Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Long An.

Người bị hại: Chị Mai Thị Kim Ngân, sinh ngày: 10/5/2000, xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Kim Điền, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại: Bà Lê Thị Hồng Duyên, sinh năm: 1975, xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Kim Điền, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Diệu, sinh năm: 1967, có mặt.

Địa chỉ: Khu 1A, thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 08/11/2017, Nguyễn Minh Sang điều khiển xe mô tô biển số 62X1-8203 chở theo sau Nguyễn Công Thành từ nhà tại khu 1A, thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước đi quận 6, TP.HCM chơi, khi đến vòng xoay thuộc xã Tân Kim do không có tiền nên Sang điều khiển xe quay lại, lưu thông trên đường Nguyễn Thái Bình về ngã 5 Mũi Tàu, Cần Giuộc. Khi đến ngã ba gần Công ty Fuluh, Thành ngồi sau phát hiện Mai Thị Kim Ngân, sinh ngày 10/5/2000 đang điều khiển xe đạp lưu thông cùng chiều phía trước, trên rổ xe có để 01 ba lô du lịch màu đỏ, lúc này Thành nảy sinh ý định chiếm đoạt ba lô trên nên rủ Sang giật ba lô để lấy tiền, Sang đồng ý. Sau đó, Sang và Thành đợi Ngân lưu thông đến giữa cổng Trĩ Yên thuộc ấp Thanh Hà, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, Sang điều khiển xe ép sát bên trái xe của Ngân, Thành ngồi phía sau dùng tay phải giật lấy ba lô trên rổ xe, rồi cả hai tẩu thoát về hướng cầu Nguyễn Thị Bảy. Khi đến Lò Đường thuộc ấp Phước Thuận, xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc, Sang dừng xe lại, Thành ngồi sau lục soát trong ba lô thấy 01 điện thoại di động hiệu Philips, màu vàng – đen; 01 bóp da, loại bóp nữ hình chữ nhật, màu nâu; 01 máy tính hiệu Casio ES 570, màu xanh – xám; 02 quyển tập và 02 quyển sách học sinh. Lúc này,

Thành lấy điện thoại di động, máy tính và bóp da cất giấu trong người rồi ném ba lô cùng tập, sách học sinh lại bên đường. Sang tiếp tục điều khiển xe chở Thành đến khu dân cư Mỹ Đình thuộc xã Trường Bình, Thành ngồi sau tiếp tục lục soát trong bóp da thấy 01 Giấy chứng minh nhân dân và 03 bảo hiểm y tế mang tên Mai Thị Kim Ngân, không có tài sản nên Thành ném bóp da và máy tính vào bụi cỏ rồi cả 02 tẩu thoát về nhà mình tại huyện Cần Đức. Sau đó, Thành cất giấu điện thoại di động hiệu Philips vào tủ quần áo cá nhân của gia đình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 117/KLĐG ngày 10/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Cần Giuộc, xác định: 01 điện thoại di động hiệu Philips, màn hình cảm ứng, màu vàng – đen, đã qua sử dụng, trị giá 700.000 đồng; 01 ba lô du lịch (loại ba lô đeo vai), màu đỏ, đã qua sử dụng, trị giá 120.000 đồng; 01 bóp da (chất liệu bên ngoài vải, bên trong giả da), loại bóp nữ hình chữ nhật, dài 20cm, rộng 10cm, màu nâu, đã qua sử dụng, trị giá 20.000 đồng; 01 máy tính học sinh, hiệu Casio ES 570, màu xanh – xám (chưa thu hồi được), hội đồng không xác định được giá trị tài sản này. Tổng giá trị tài sản là 840.000 đồng (Tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 76/C54B ngày 14/12/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận độ tuổi của Nguyễn Minh Sang như sau: Tại thời điểm giám định (tháng 12/2017), Nguyễn Minh Sang có độ tuổi từ 17 năm 06 tháng đến 18 năm.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cần Giuộc có tạm giữ đồ vật, tài sản gồm: 01 xe mô tô biển số 62X1-8203; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 62X1-8203 mang tên Mai Tuấn Hải; 01 Giấy bán xe của cửa hàng kinh doanh xe gắn máy Duyệt Thắng; 01 nón bảo hiểm màu xanh; 01 áo sơ mi dài tay, màu xanh; 01 quần lửng màu đen và 01 đôi dép quai ngang màu đen trắng do Nguyễn Minh Sang giao nộp; 01 quần dài màu trắng kem có hoa văn; 01 áo thun ngắn tay màu xanh; 01 áo sơ mi dài tay bằng vải, màu xanh; 01 nón kết màu xanh đen; 01 nón bảo hiểm màu xanh; 01 đôi dép kẹp màu nâu; 01 điện thoại di động hiệu Philips, màu vàng đen, màn hình cảm ứng do Nguyễn Công Thành giao nộp; 01 bóp da (chất liệu bên ngoài vải, bên trong giả da), loại bóp nữ hình chữ nhật, dài 20cm, rộng 10cm, màu nâu; 01 Giấy chứng minh nhân dân và 03 bảo hiểm y tế mang tên Mai Thị Kim Ngân do ông Lê Văn Phải giao nộp; tiền Việt Nam 180.000 đồng do bà Nguyễn Thị Diệu là mẹ ruột của Nguyễn Minh Sang và Nguyễn Công Thành giao nộp. Ngoài ra, qua công tác truy tìm vật chứng, cơ quan công an còn tạm giữ 01 ba lô du lịch, 02 quyển sách và 02 quyển tập học sinh mang tên Mai Thị Kim Ngân. Riêng máy tính Casio ES 570 không tìm thấy.

Về dân sự: Bị hại Mai Thị Kim Ngân đã nhận lại tài sản bị mất và đại diện gia đình các bị cáo Thành và Sang bồi thường thiệt hại cho Ngân số tiền 180.000 đồng, không yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 25/CT-VKSCG ngày 02/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố bị cáo Nguyễn Công Thành và Nguyễn Minh Sang về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc giữ nguyên quyết định truy tố; sau khi phân tích các tình tiết của vụ án cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công Thành và Nguyễn Minh Sang về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Áp dụng: Điểm d Khoản 2 Điều 136; Điều 20; Điều 33; Điều 45; Điểm b, p, g Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Công Thành mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng: Điểm d Khoản 2 Điều 136; Điều 20; Điều 33; Điều 45; Điều 69; Điều 71; Điều 74; Điểm b, p, g Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Sang mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

Ý kiến luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh Sang: Thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát về tội danh đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 2 Điều 46 Bộ Luật hình sự như sau: Hoàn cảnh gia đình bị cáo Sang khó khăn, cha bị bệnh tai biến, bị cáo có trình độ học vấn thấp, phạm tội do bị rủ rê, lôi kéo, nhất thời phạm tội, thiếu sự giáo dục của gia đình, đề nghị chấp nhận mức khởi điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Thành và Sang xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 10 giờ, ngày 08/11/2017, Nguyễn Minh Sang sinh ngày 20/11/2000 điều khiển xe mô tô biển số 62X1-8203 chở theo sau Nguyễn Công Thành, lưu thông trên đường Nguyễn Thái Bình hướng Tân Kim đi ngã 5 Mũi Tàu, phát hiện trên rổ xe đạp của Mai Thị Kim Ngân có 01 ba lô du lịch màu đỏ, nên cả hai thống nhất cùng nhau chiếm đoạt, để xem có tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Khi đến dốc cống Trị Yên, thuộc ấp Thanh Hà, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc, Sang điều khiển xe ép sát bên trái xe của Mai Thị Kim Ngân, sinh ngày 10/5/2000, Thành ngồi sau thực hiện hành vi giật ba lô trên rổ xe của Ngân rồi tẩu thoát. Tài sản Thành và Sang chiếm đoạt gồm 01 điện thoại di động hiệu Philips, màn hình cảm ứng, màu vàng – đen; 01 ba lô du lịch (loại ba lô đeo vai), màu đỏ; 01 bóp da (chất liệu bên ngoài vải, bên trong giả da), loại bóp nữ hình chữ nhật, dài 20cm, rộng 10cm, màu nâu, tổng giá trị tài sản là 840.000 đồng. Riêng 01 máy tính hiệu Casio ES 570, màu xanh – xám, không xác định được giá trị.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, lời trình bày của các bị cáo phù hợp lời trình bày của bị hại, nhân chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Công Thành, Nguyễn Minh Sang phạm tội “Cướp giật tài sản”. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác và gây mất an ninh, trật tự ở địa phương.

[3] Xét về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội thì các bị cáo điều khiển xe mô tô có phân khối lớn ép sát người bị hại chị Mai Thị Kim Ngân đang điều khiển xe đạp trên đường thuộc ấp Thanh Hà, xã Tân Kim, huyện Cần Giuộc để giật ba lô trên giỏ xe của chị Ngân. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố

các bị cáo theo Điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ.

[4] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, không có sự chuẩn bị, cấu kết chặt chẽ với nhau. Tuy nhiên, cũng cần phân tích vai trò của từng bị cáo:

Đối với bị cáo Nguyễn Công Thành là người thành niên rủ rê, lôi kéo Nguyễn Minh Sang là người chưa thành niên thực hiện hành vi phạm tội, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, bị cáo cũng là người thực hiện, do đó bị cáo Thành phải chịu mức án cao hơn bị cáo Sang.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh Sang khi nghe Thành đề xuất thì bị cáo đồng ý và điều khiển xe áp sát người bị hại để bị cáo Thành thực hiện. Khi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi, do đó khi xem xét hình phạt cần áp dụng Điều 69, 71, 74 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Nghị quyết số 02/2006 ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao, hình phạt áp dụng cho bị cáo Sang bằng $\frac{3}{4}$ mức hình phạt áp dụng đối với người đã thành niên phạm tội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, gia đình các bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, các bị cáo có trình độ học vấn thấp thiếu sự quan tâm của gia đình, lần đầu phạm tội do đó chấp nhận đề nghị của đại diện VKS áp dụng Điểm b, p, g Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[6] Trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không đề cập.

[7] Vật chứng: Chiếc xe mô tô Nouvo biển số 62X1- 8203; giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 62X1 – 8203, 01 giấy mua bán xe là tài sản của bà Diệu, bị cáo Thành, Sang sử dụng đi phạm tội, bà Diệu không biết nên cơ quan công an giao trả lại cho bà Diệu, xét thấy phù hợp.

- 01 nón bảo hiểm màu xanh; 01 áo sơ mi dài tay, màu xanh; 01 quần lửng màu đen và 01 đôi dép quai ngang, màu đen trắng do Nguyễn Minh Sang giao nộp; 01 quần dài màu trắng kem có hoa văn; 01 áo thun ngắn tay, màu xanh; 01 áo sơ mi dài tay bằng vải, màu xanh; 01 nón kết màu xanh đen; 01 nón bảo hiểm màu xanh; 01 đôi dép kẹp màu nâu, do bị cáo Thành giao nộp, đây là tài sản của các bị cáo nên giao trả lại.

[8] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công Thành, Nguyễn Minh Sang phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 136; Điều 20; Điều 33; Điều 45; Điểm n Khoản 1 Điều 48; Điểm b, p, g Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; sửa đổi; bổ sung năm 2009; Điều 106; Điều 329 của Bộ Luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công Thành 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 09/11/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 136; Điều 20; Điều 33; Điều 45; Điểm b, p, g Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69, 71, 74 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106, 329 của Bộ Luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 02/2006 ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Sang 01(một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 09/11/2017, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi thành án.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Công Thành 01 quần dài màu trắng kem có hoa văn; 01 áo thun ngắn tay, màu xanh; 01 áo sơ mi dài tay bằng vải, màu xanh; 01 nón kết màu xanh đen; 01 nón bảo hiểm màu xanh; 01 đôi dép kẹp màu nâu.

Trả cho bị cáo Nguyễn Minh Sang 01 nón bảo hiểm màu xanh; 01 áo sơ mi dài tay, màu xanh; 01 quần lửng màu đen và 01 đôi dép quai ngang, màu đen trắng.

Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Công Thành, Nguyễn Minh Sang mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- Công an huyện Cần Giuộc;
- Bị cáo;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Giúp

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Chính

Nguyễn Phước Nhân

Huỳnh Thị Giúp

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI
CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2016/NQ-HĐTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

DỰ THẢO 1

NGHỊ QUYẾT

**HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1 VÀ KHOẢN 3
ĐIỀU 192 CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ SỐ 92/2015/QH13 VỀ TRẢ LẠI
ĐƠN KHỞI KIẾN, HẬU QUẢ CỦA VIỆC TRẢ LẠI ĐƠN KHỞI KIẾN**

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Để áp dụng đúng và thống nhất một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này hướng dẫn thi hành một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, hậu quả của việc trả lại đơn khởi kiện.

Điều 2. Trả lại đơn khởi kiện

1. Người khởi kiện không có đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự quy định tại điểm a khoản 1 Điều 192 BLTTDS là người không có khả năng tự mình thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng dân sự theo quy định tại Điều 69 của BLTTDS.

2. Khi xác định điều kiện khởi kiện vụ án dân sự liên quan đến quyền sử dụng đất thì thực hiện như sau:

a) Đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất mà chưa tiến hành hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp theo quy định tại Điều 202 của Luật Đất đai năm 2013 thì được xác định là chưa có đủ điều kiện khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 BLTTDS.

b) Đối với tranh chấp khác liên quan đến quyền sử dụng đất như: tranh chấp về giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất, tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất, chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất,... thì thủ tục hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp không phải là điều kiện khởi kiện vụ án.

3. Vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là trường hợp theo quy định của pháp luật vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức khác.

4. “Địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS được xác định như sau:

a) Nếu người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn còn quốc tịch Việt Nam trở về Việt Nam sinh sống thì nơi cư trú của họ là địa chỉ chỗ ở hợp pháp mà người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thường trú, tạm trú hoặc đang sinh sống theo quy định của Luật cư trú;

b) Nếu người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam thì nơi cư trú của họ được xác định theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam;

c) Nếu người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người nước ngoài, người Việt Nam đang cư trú ở nước ngoài thì nơi cư trú của họ được xác định căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp hoặc theo quy định của pháp luật nước, vùng lãnh thổ nơi họ đang cư trú;

d) Nếu người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cơ quan, tổ chức có quốc tịch Việt Nam thì địa chỉ của cơ quan, tổ chức được xác định là nơi cơ quan, tổ chức đó có trụ sở chính theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật;

Trường hợp cơ quan, tổ chức có quốc tịch nước ngoài thì địa chỉ của cơ quan, tổ chức được xác định căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp hoặc theo pháp luật nơi cơ quan, tổ chức đó có quốc tịch.

5. Trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ, cụ thể địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại điểm đ, e khoản 4 Điều 189 BLTTDS thì Tòa án phải thụ lý vụ án.

6. Trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng sau khi thụ lý vụ án Tòa án không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ đúng của họ. Trường hợp nguyên đơn đã áp dụng các biện pháp cần thiết nhưng vẫn không cung cấp được đúng địa chỉ của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì có quyền yêu cầu Tòa án thu thập, xác minh địa chỉ đúng của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập, xác minh theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng vẫn không xác định được đúng địa chỉ của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án áp dụng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 BLLTTDS để đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, trừ những trường hợp sau đây:

a) Trường hợp người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú mà sau 24 tháng kể từ ngày chuyển đi khỏi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú mà không làm thủ tục thay đổi nơi đăng ký thường trú làm cho người khởi kiện không biết được thì được coi là “che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện”;

b) Trường hợp người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo giao dịch, hợp đồng các bên đã giao kết thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLLTTDS;

c) Trường hợp nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ để xác định địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở cuối cùng của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 4 Điều này.

7. Khoản 1 Điều 192 BLTTDS không quy định căn cứ trả lại đơn khởi kiện vì lý do thời hiệu khởi kiện đã hết, vì vậy, Tòa án không được lấy lý do thời hiệu khởi kiện đã hết để trả lại đơn khởi kiện.

Trường hợp trước đây, Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện vì lý do thời hiệu khởi kiện đã hết mà đương sự có yêu cầu khởi kiện lại, thì Tòa án thụ lý vụ việc và đương sự phải nộp tiền tạm ứng án phí nếu không thuộc diện được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hậu quả của việc trả lại đơn khởi kiện

1. Người khởi kiện có quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 của BLTTDS và các văn bản pháp luật có quy định.

2. "*Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật*" quy định tại điểm d khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự là các trường hợp trong Bộ luật tố tụng dân sự chưa quy định nhưng đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác hoặc sau khi Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành mới được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành sau đó hoặc trong các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Ví dụ 1: Trường hợp Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ thành theo quy định tại Điều 54 của Luật Hôn nhân và Gia đình và đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận về việc hòa giải đoàn tụ thành giữa các đương sự. Trong thời gian đoàn tụ, các đương sự lại phát sinh mâu thuẫn và có đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án giải quyết, thì Tòa án căn cứ vào Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình để thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Ví dụ 2: Trường hợp Tòa án đã bác đơn xin ly hôn của người chồng xin ly hôn vợ đang có thai hoặc đang nuôi con dưới mười hai tháng tuổi, thì Tòa án chỉ thụ lý lại vụ án xin ly hôn của người chồng khi đã đáp ứng đủ điều kiện khởi kiện quy định tại khoản 3 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đối với những vụ án dân sự mà trước ngày 01-01-2017, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án vì lý do "thời hiệu khởi kiện đã hết" nhưng theo quy định tại khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện vụ án đó vẫn còn. Trường hợp này người khởi kiện có quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm d khoản 3 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với những vụ án dân sự yêu cầu chia tài sản chung là di sản thừa kế đã hết thời hiệu mà trước ngày 01-01-2017 Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án vì lý do chưa đủ điều kiện khởi kiện nay người khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế thì Tòa án xem xét, thụ lý theo thủ tục chung.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...

2. Đối với những vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh tế, lao động mà Toà án đã thụ lý nhưng chưa xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm hoặc xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm thì áp dụng hướng dẫn tại Nghị quyết này để giải quyết.

Đối với bản án, quyết định của Toà án đã có hiệu lực pháp luật trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, thì không áp dụng hướng dẫn tại Nghị quyết này để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, trừ trường hợp có căn cứ kháng nghị khác./.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN**

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Ban Chỉ đạo CCTPTƯ;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ 02 bản;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Các TAND và TAQS;
- Các Thẩm phán TANDTC và các đơn vị TANDTC;
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH.

Nguyễn Hòa Bình

I/ Hỏi bị cáo Võ Văn Long.

- Nội dung Cáo trạng vị KSV vừa công bố có giống với cáo trạng đã nhận không
- Hành vi phạm tội của bị cáo có giống với cáo trạng nêu không
- Khoảng 1h15 ngày 03/10/2010 bị cáo ở đâu và làm gì,
- Diễn biến như thế nào.
- Trước khi dùng cây đánh anh Sơn bị cáo có chặn xe anh Sơn lại không và có nói gì không.
- Sau khi anh Sơn và chị Hạnh té ngã thì bị cáo có dùng cây dí anh Sơn và chị Hạnh không, khoảng cách bao xa.
- Sau khi dí anh Sơn bị cáo làm gì.
- Có ngồi lên xe chưa, có nổ máy xe không, đề máy hay đạp máy xe, xe có di chuyển chưa, bao xa, mục đích làm gì.
- Có phải cây đang để trên bàn Thư ký không
- Cây lấy ở đâu
- Mục đích lấy cây làm gì làm gì,
- Mục đích cướp tài sản làm gì
- Bị cáo suy nghĩ gì về hành vi của bị cáo.

II/ Hỏi anh Sơn (bị hại)

- Khoảng 1h15 ngày 03/10/2010 anh đi đâu làm gì , cùng ai, bằng phương tiện gì, sự việc xảy ra.
- Diễn biến như bị cáo khai đúng không.
- Thái độ và phản ứng của anh lúc đó như thế nào
- Anh có bổ sung gì thêm không.
- Anh bị đánh trúng ở đâu trên cơ thể. Có đi điều trị thương tích không.
- Xe Wave Biển số 62F5 0291 là của ai,
- Nhận lại xe chưa
- Tại phiên tòa có yêu cầu bồi thường gì không.

III/ Hỏi chị Hạnh(bị hại)

- Chị xác nhận lời trình bày của anh Sơn
- Chị có bổ sung ý kiến hay yêu cầu gì không.

IV/ Hỏi Người làm chứng

1/ Hỏi Anh Nguyễn Văn Chánh

- Anh có chứng kiến việc bị cáo Long thực hiện hành vi cướp xe của anh Sơn không,
- Anh biết sự việc như thế nào.
- **2/ Hỏi anh Phạm Văn Tính**
- Anh có chứng kiến việc bị cáo Long thực hiện hành vi cướp xe của anh Sơn không,
- Anh biết sự việc như thế nào.